

Số: /BC-UBND

Tam Nông, ngày tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 7/2024

Thực hiện Công văn số 43/UBND-HCC ngày 18/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện báo cáo kết quả thực hiện các nhóm tiêu chí thuộc Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*gọi tắt là Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp*) trên địa bàn Huyện tháng 7/2024 như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Đối với huyện Tam Nông

Theo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn>*), tháng 7/2024 huyện Tam Nông **đạt 91,59/100 điểm (xuất sắc), xếp hạng 01/12 huyện, thành phố.**

- Chi tiết các tiêu chí và số điểm đạt được như sau:

Stt	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Tháng 7 năm 2024	
			Điểm	Tỷ lệ (%)
01	Công khai, minh bạch	18	18 (tăng 1,7)	100
02	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	19,7 (tăng 0,5)	98,4
03	Dịch vụ công trực tuyến	12	7,3 (tăng 0,2)	91,5
04	Thanh toán trực tuyến	10	8,9 (tăng 0,3)	97,11
05	Mức độ hài lòng	18	18	100
06	Số hóa hồ sơ	22	19,7 (tăng 1,5)	89,7

2. Đối với UBND các xã, thị trấn

Điểm số cao nhất là **92,35/100** điểm, điểm thấp nhất là **88,21/100** điểm, trong đó có 09 xã, thị trấn xếp loại xuất sắc; 03 xã xếp loại tốt, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Điểm tổng	Điểm từng nhóm tiêu chí					
			Công khai, minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ trực tuyến	Thanh toán trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ
01	Xã An Long	92.35	18/18	19.9/20	7.5/12	9.1/10	18/18	19.9/22
02	Xã Phú Cường	92.15	18/18	19.8/20	7.5/12	9/10	18/18	19.8/22
03	Xã An Hòa	91.92	18/18	19.9/20	7.5/12	8.7/10	18/18	19.8/22
04	Xã Phú Hiệp	91.63	18/18	19.9/20	8.3/12	9/10	18/18	18.4/22
05	Xã Tân Công Sính	91.51	18/18	19.5/20	7.5/12	8.8/10	18/18	19.7/22
06	Xã Hòa Bình	91.3	18/18	20/20	6.8/12	8.5/10	18/18	20/22
07	Xã Phú Thọ	91.14	18/18	19.7/20	6.8/12	8.8/10	18/18	19.8/22
08	Xã Phú Ninh	91.11	18/18	19.2/20	7.5/12	8.9/10	18/18	19.5/22
09	Thị trấn Tràm Chim	90.8	18/18	19.5/20	6.8/12	9/10	18/18	19.5/22
10	Xã Phú Đức	89.98	18/18	20/20	6.8/12	9.2/10	18/18	18/22
11	Xã Phú Thành B	89.01	17/18	20/20	6.8/12	8.9/10	18/18	18.3/22
12	Xã Phú Thành A	88.21	18/18	18.1/20	7.5/12	8.9/10	18/18	17.6/22

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

1. Chỉ số công khai, minh bạch

1.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn.
- Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận cấu thành.
- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ về Cổng dịch vụ công quốc gia.

1.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số công khai, minh bạch là 18 điểm (tăng 1,7 điểm so với tháng trước), đạt tỷ lệ 100%.

1.3. Nguyên nhân: Không.

2. Chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết

2.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn.

- Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC.

2.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết TTHC là 19,7 điểm (*tăng 0,5 điểm so với tháng trước*), đạt 98,4%.

2.3. Nguyên nhân: Trong tháng, tổng số hồ sơ quá hạn thể hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia là **100 hồ sơ và 211 hồ sơ** đang xử lý quá hạn, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Tổng HS xử lý	Hoàn thành đúng hạn	Hoàn thành quá hạn	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn	Tỷ lệ đúng hạn (%)	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Thị trấn Tràm Chim	3.290	3.174	11	40	65	97.69	Không
02	Xã Phú Ninh	1.721	1.647	0	9	65	96.22	Không
03	Xã Phú Cường	3.106	3.068	3	5	30	98.94	Không
04	Xã Tân Công Sính	1.172	1.133	2	11	26	97.61	Không
05	Xã An Long	1.316	1.168	1	139	8	99.32	Không
06	Xã Phú Thọ	2.173	2.038	28	100	7	98.39	Không
07	Phú Hiệp	832	811	0	18	3	99.64	Không
08	Xã An Hòa	1.717	1.708	5	3	1	99.65	Không
09	Xã Hòa Bình	1.443	1.430	0	13	0	100	Xong
10	Xã Phú Đức	1.988	1.863	2	123	0	99.9	Không
11	Xã Phú Thành B	117	113	0	4	0	100	Xong
12	Xã Phú Thành A	492	422	46	24	0	90.65	Không
13	Một cửa huyện	71	55	2	8	6	88.73	Không

3. Chỉ số cung cấp dịch vụ công trực tuyến

3.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ.

3.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến là 7,3 điểm (*tăng 0,2 điểm so với tháng trước*), đạt tỷ lệ 91,5%, cụ thể:

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ	Nộp trực tiếp	Nộp trực tuyến	Tỷ lệ Nộp trực tiếp (%)	Tỷ lệ Nộp trực tuyến (%)	Tiến độ hoàn thành (50%)
01	Thị trấn Tràm Chim	3.220	246	2.974	7.64	92.36	Xong

02	Xã Phú Ninh	1.711	141	1.570	8.24	91.76	Xong
03	Xã Phú Cường	3.100	140	2.960	4.52	95.48	Xong
04	Xã Tân Công Sính	1.152	70	1.082	6.08	93.92	Xong
05	Xã An Long	1.294	80	1.214	6.18	93.82	Xong
06	Xã Phú Thọ	2.133	88	2.045	4.13	95.87	Xong
07	Xã Phú Hiệp	823	99	724	12.03	87.97	Xong
08	Xã An Hòa	1.710	98	1.612	5.73	94.27	Xong
09	Xã Hòa Bình	1.432	35	1.397	2.44	97.56	Xong
10	Xã Phú Đức	1.978	427	1.551	21.59	78.41	Xong
11	Xã Phú Thành B	116	26	90	22.41	77.59	Xong
12	Xã Phú Thành A	435	81	354	18.62	81.38	Xong

3.3. Nguyên nhân: Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ chưa đạt chỉ tiêu được giao (90%), do một số TTHC có cung cấp trực tuyến nhưng người dân không có nhu cầu thực hiện.

4. Chỉ số thanh toán trực tuyến

4.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.

4.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số thanh toán trực tuyến là 8,9 điểm (tăng 0,3 điểm so với tháng trước), đạt 97, 11%, cụ thể:

Stt	Tên đơn vị	Hồ sơ cần TTTT	Hồ sơ đã TTTT	Hồ sơ TT hình thức khác	Tỷ lệ đã TTTT (%)	Tiến độ HT (45%)
01	Xã Phú Ninh	1.632	1.625	07	99.57	Xong
02	Thị trấn Tràm Chim	3.139	3.113	26	99.17	Xong
03	Xã An Hòa	1.672	1.657	15	99.1	Xong
04	Xã Phú Cường	2.808	2.776	32	98.86	Xong
05	Xã Phú Thành B	86	85	01	98.84	Xong
06	Xã An Long	1.162	1.143	19	98.36	Xong
07	Xã Phú Thọ	2.053	2.016	37	98.2	Xong
08	Xã Tân Công Sính	1.136	1.114	22	98.06	Xong
09	Xã Hòa Bình	1.404	1.368	36	97.44	Xong

10	Xã Phú Hiệp	588	563	25	95.75	Xong
11	Xã Phú Đức	1.652	1.526	126	92.37	Xong
12	Xã Phú Thành A	462	371	91	80.3	Xong
13	Một cửa huyện	76	49	27	64.47	Xong

4.3. Nguyên nhân: Một số TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến nhưng chưa phát sinh hồ sơ.

5. Chỉ số về mức độ hài lòng

5.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại
- Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC

5.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số mức độ hài lòng là 18 điểm, đạt tỷ lệ 100%.

5.3. Nguyên nhân: Không.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ

6.1. Nội dung thực hiện:

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa.
- Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng.
- Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công.

6.2. Kết quả đánh giá: Điểm trung bình của nhóm chỉ số số hóa hồ sơ là 19,7 điểm (tăng 1,5 điểm so với tháng trước), đạt tỷ lệ 89,7%.

6.3. Nguyên nhân

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có kết quả	Tổng HS đã cấp kết quả điện tử	Tỷ lệ HS cấp kết quả điện tử	Tiến độ hoàn thành (100%)
-----	------------	-----------------------	--------------------------------	------------------------------	---------------------------

01	Xã Phú Cường	3.097	2.975	96.06	Không
02	Xã Phú Đức	1.968	1.549	78.71	Không
03	Xã An Hoà	1.703	1.633	95.89	Không
04	Xã Hoà Bình	1.430	1.403	98.11	Không
05	Xã Phú Thọ	2.130	2.056	96.53	Không
06	Xã Phú Thành A	428	365	85.28	Không
07	Xã An Long	1.265	1.214	95.97	Không
08	Xã Phú Hiệp	817	727	88.98	Không
09	Xã Tân Công Sính	1.150	1.088	94.61	Không
10	Xã Phú Ninh	1.704	1.580	92.72	Không
11	Xã Phú Thành B	103	85	82.52	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	3.215	2.985	92.85	Không
13	Huyện Tam Nông	18.511	17.357	93.77	Không

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt chỉ tiêu 100% theo quy định.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS phải số hóa	Tổng HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tỷ lệ HS TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	Tiến độ hoàn thành (100%)
01	Xã Phú Cường	3.097	2.960	95.58	Không
02	Xã Phú Đức	1.968	1.549	78.71	Không
03	Xã An Hoà	1.703	1.608	94.42	Không
04	Xã Hoà Bình	1.432	1.397	97.56	Không
05	Xã Phú Thọ	2.130	2.045	96.01	Không
06	Xã Phú Thành A	428	350	81.78	Không
07	Xã An Long	1.269	1.211	95.43	Không
08	Xã Phú Hiệp	817	722	88.37	Không
09	Xã Tân Công Sính	1.146	1.080	94.24	Không
10	Xã Phú Ninh	1.704	1.570	92.14	Không
11	Xã Phú Thành B	103	80	77.67	Không
12	Thị trấn Tràm Chim	3.215	2.974	92.5	Không
13	Huyện Tam Nông	18.621	17.351	93.18	Không

- Khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

STT	Tên đơn vị	Tổng số HS có khai thác, sử dụng lại	Tổng HS đã khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS đã khai thác, sử dụng lại	Tổng HS chưa khai thác, sử dụng lại	Tỷ lệ HS chưa khai thác, sử dụng lại (%)	Tiến độ đã khai thác, sử dụng lại (50%)
01	Xã Phú Cường	3.096	2.722	87.92	374	12.08	Xong
02	Xã Phú Đức	1.964	1.797	91.5	167	8.5	Xong
03	Xã An Hoà	1.706	1.539	90.21	167	9.79	Xong
04	Xã Hoà Bình	1.429	1.337	93.56	92	6.44	Xong
05	Xã Phú Thọ	2.128	1.854	87.12	274	12.88	Xong
06	Xã Phú Thành A	426	170	39.91	256	60.09	Không
07	Xã An Long	1.270	1.011	79.61	259	20.39	Xong
08	Xã Phú Hiệp	817	409	50.06	408	49.94	Xong
09	Xã Tân Công Sính	1.138	1.022	89.81	116	10.19	Xong
10	Xã Phú Ninh	1.708	1.564	91.57	144	8.43	Xong
11	Xã Phú Thành B	104	92	88.46	12	11.54	Xong
12	Thị trấn Tràm Chim	3.211	2.811	87.54	400	12.46	Xong
13	huyện Tam Nông	18.753	16.274	86.78	2.479	13.22	Xong

III. KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ

1. Vẫn còn phát sinh hồ sơ quá hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
2. Số lượng TTHC trực tuyến phát sinh hồ sơ chưa đạt yêu cầu.
3. Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC chưa đạt tỷ lệ 100% theo quy định.

IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ THÁNG TIẾP THEO

1. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC để xử lý kịp thời, đúng quy trình và thời gian quy định, hạn chế mức thấp nhất phát sinh hồ sơ quá hạn, trễ hạn trên Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh và trên Cổng dịch vụ công quốc gia.
2. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tích cực rà soát, xác định nguyên nhân dẫn đến hạn chế nêu trên, đề ra giải pháp khắc phục, thực hiện hiệu quả hơn trong thời gian tới; chủ động phối hợp hoặc kịp thời đề xuất, kiến nghị với cơ quan chức năng hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện Tam Nông tháng 7/2024./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Huyện
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo, CVNC Văn phòng;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NCHiếu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nam